

Số: 3536/2024/PKQ(24/K2756/KT4)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH ToTo Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Vị trí quan trắc	KT4	Hệ thống dập bụi FI1
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 10 tháng 7 năm 2024	
Người lấy mẫu	Lê Bảo Quân, Đinh Quang Minh, Vũ Minh Huy	
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nắng. Nhiệt độ TB 35°C	
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	QCTĐHN 01:2014/BTNMT		
				Kết quả	C	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	15,5	200	140

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

$$\text{Giá trị } C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại quy chuẩn
- Cmax là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải, Kp=1 (P≤20.000 m³/h)
- Kv là hệ số vùng, khu vực; Kv=0,7 đối với các thông số bụi tổng.

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC

Nguyễn Thị Vân Anh

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Lê Bảo Quân

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Th.S. Nguyễn Thị Hạnh

Số: 3537/2024/PKQ(24/K2757/KT14)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH ToTo Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Vị trí quan trắc	KT14 Hệ thống xử lý lọc bụi túi vải của xưởng bồn tắm
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 10 tháng 7 năm 2024
Người lấy mẫu	Lê Bảo Quân, Đinh Quang Minh, Vũ Minh Huy
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nắng. Nhiệt độ TB 35°C
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT	
				KT14	C	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	11,5	200	140

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

$$\text{Giá trị } C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

- Trong đó:
- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại quy chuẩn
- Cmax là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải, Kp=1 (P ≤ 20.000 m³/h)
- Kv là hệ số vùng, khu vực; Kv=0,7 đối với các thông số bụi tổng.

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC

Nguyễn Thị Vân Anh

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Lê Bảo Quân



Số: 3538/2024/PKQ(24/K2758/KT15)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH ToTo Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Vị trí quan trắc	KT15	Khí thải sau hệ thống xử lý bụi ướt của xưởng bồn tắm
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 10 tháng 7 năm 2024	
Người lấy mẫu	Lê Bảo Quân, Đinh Quang Minh, Vũ Minh Huy	
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nắng. Nhiệt độ TB 35°C	
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	QCTĐHN 01:2014/BTNMT		
				Kết quả KT15	C	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	6,5	200	126

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

$$\text{Giá trị } C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại quy chuẩn
- Cmax là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải, $K_p = 0,9$ ($20.000 < P \leq 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$)
- Kv là hệ số vùng, khu vực; $K_v = 0,7$ đối với các thông số bụi tổng.

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC

Nguyễn Thị Vân Anh

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Lê Bảo Quân

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Th.S. Nguyễn Thị Hạnh

1. Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu (như trên)

2. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm KTMT&ATHC

Số: 3539/2024/PKQ(24/K2759/KT16)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH ToTo Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Vị trí quan trắc	KT16 Khí thải hơi dung môi của xưởng bồn tắm
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 10 tháng 7 năm 2024
Người lấy mẫu	Lê Bảo Quân, Đinh Quang Minh, Vũ Minh Huy
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nắng. Nhiệt độ TB 35°C
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Việt Anh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT		QCVN 20:2009/ BTNMT
				KT16	C	Cmax	
1	CO	mg/Nm ³	QTHT-40	<20	1.000	720	-
2	SO ₂	mg/Nm ³	QTHT-40	<3,4	500	315	-
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QTHT-40	<5,0	850	612	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<2,0	200	126	-
5	Styren	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	2,38	-	-	100

Ghi chú:

- **QCTĐHN 01:2014/ BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

$$\text{Giá trị } C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại quy chuẩn
- Cmax là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải; $K_p = 0,9$ ($20.000 < P \leq 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$)
- Kv là hệ số vùng, khu vực; $K_v = 0,7$ đối với các thông số bụi tổng, SO₂; $K_v = 0,8$ đối với các thông số NO_x và CO.

Dấu “-“: Chỉ tiêu không đo hoặc quy chuẩn không quy định.

- **QCVN 20:2009/ BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

**THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC**

Nguyễn Thị Vân Anh

**TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Lê Bảo Quân

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Th.S. Nguyễn Thị Hạnh

1. Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu (như trên)

2. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm KTMT&ATHC

Số: 3540/2024/PKQ(24/K2769/KT9)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH ToTo Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Vị trí quan trắc	KT9	Hệ thống dập bụi khu điều chế nguyên liệu
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 11 tháng 7 năm 2024	
Người lấy mẫu	Nguyễn Công Minh, Đinh Quang Minh, Nguyễn Năng Thanh	
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nắng. Nhiệt độ TB 33°C	
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT	
				KT9	C	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	10,1	200	140

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

$$\text{Giá trị } C_{\text{max}} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại quy chuẩn
- Cmax là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải, Kp=1 (P≤20.000 m³/h)
- Kv là hệ số vùng, khu vực; Kv=0,7 đối với các thông số bụi tổng.

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC

Nguyễn Thị Vân Anh

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Lê Bảo Quân

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Th.S. Nguyễn Thị Hạnh

Số: 3541/2024/PKQ(24/K2770/KT10)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH ToTo Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Vị trí quan trắc	KT10	Hệ thống dập bụi Glazing 1
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 11 tháng 7 năm 2024	
Người lấy mẫu	Nguyễn Công Minh, Đinh Quang Minh, Nguyễn Năng Thanh	
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nắng. Nhiệt độ TB 33°C	
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT	
				KT10	C	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	12,6	200	126

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

$$\text{Giá trị } C_{\text{max}} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại quy chuẩn
- Cmax là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải; $K_p = 0,9$ ($20.000 < P \leq 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$)
- Kv là hệ số vùng, khu vực; $K_v = 0,7$ đối với các thông số bụi tổng.

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC

Nguyễn Thị Vân Anh

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Lê Bảo Quân



Th.S. Nguyễn Thị Hạnh

Số: 3542/2024/PKQ(24/K2771/KT11)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH ToTo Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Vị trí quan trắc	KT11	Hệ thống dập bụi Glazing 2
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 11 tháng 7 năm 2024	
Người lấy mẫu	Nguyễn Công Minh, Đinh Quang Minh, Nguyễn Năng Thanh	
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nắng. Nhiệt độ TB 33°C	
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT	
				KT11	C	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	11,6	200	126

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

$$\text{Giá trị } C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại quy chuẩn
- Cmax là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải; $K_p = 0,9$ ($20.000 < P \leq 100.000$)
- Kv là hệ số vùng, khu vực; $K_v = 0,7$ đối với các thông số bụi tổng.

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC

Nguyễn Thị Vân Anh

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Lê Bảo Quân

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Th.S. Nguyễn Thị Hạnh

Số: 3543/2024/PKQ(24/K2772/KT12)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH ToTo Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Vị trí quan trắc	KT12	Hệ thống đập bụi kho nguyên liệu
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 11 tháng 7 năm 2024	
Người lấy mẫu	Nguyễn Công Minh, Đinh Quang Minh, Nguyễn Năng Thanh	
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nắng. Nhiệt độ TB 33°C	
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT	
				KT12	C	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	4,2	200	140

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

$$\text{Giá trị } C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại quy chuẩn
- Cmax là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải, Kp=1 (P≤20.000 m³/h)
- Kv là hệ số vùng, khu vực; Kv=0,7 đối với các thông số bụi tổng.

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC

Nguyễn Thị Vân Anh

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Lê Bảo Quân

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Th.S. Nguyễn Chi Hạnh

Số: 3544/2024/PKQ(24/K2773/KT13)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH ToTo Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Vị trí quan trắc	KT13	Hệ thống đập bụi Refiring
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 11 tháng 7 năm 2024	
Người lấy mẫu	Nguyễn Công Minh, Đinh Quang Minh, Nguyễn Năng Thanh	
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nắng. Nhiệt độ TB 33°C	
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	QCTĐHN 01:2014/BTNMT		
				Kết quả	C	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	4,1	200	140

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

$$\text{Giá trị } C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại quy chuẩn
- Cmax là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải, Kp=1 (P≤20.000 m³/h)
- Kv là hệ số vùng, khu vực; Kv=0,7 đối với các thông số bụi tổng.

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC

Nguyễn Thị Vân Anh

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Lê Bảo Quân



Th.S. Nguyễn Thị Hằng

Số: 3545/2024/PKQ(24/K2779/KT1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH ToTo Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Vị trí quan trắc	KT1	Khí thải ống khói của lò V1- cuối lò
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 12 tháng 7 năm 2024	
Người lấy mẫu	Nguyễn Công Minh, Đinh Quang Minh, Nguyễn Năng Thanh	
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nắng. Nhiệt độ TB 34°C	
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT	
				KT1	C	Cmax
1	CO	mg/Nm ³	QTHT-40	50,2	1.000	800
2	SO ₂	mg/Nm ³	QTHT-40	<3,4	500	350
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QTHT-40	9,4	850	680
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	11,7	200	140

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

$$\text{Giá trị } C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại quy chuẩn
- Cmax là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải, Kp=1 (P≤20.000 m³/h)
- Kv là hệ số vùng, khu vực; Kv=0,7 đối với các thông số bụi tổng, SO₂; Kv=0,8 đối với các thông số NO_x và CO

THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC

Nguyễn Thị Vân Anh

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Lê Bảo Quân

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Nguyễn Thị Hạnh

1. Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu (như trên)

2. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm KTMT&ATHC

Số: 3546/2024/PKQ(24/K2780/KT2)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH ToTo Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Vị trí quan trắc	KT2 Khí thải ống khói của lò V1- Đầu lò
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 12 tháng 7 năm 2024
Người lấy mẫu	Nguyễn Công Minh, Đinh Quang Minh, Nguyễn Năng Thanh
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nắng. Nhiệt độ TB 34°C
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT	
				KT2	C	Cmax
1	CO	mg/Nm ³	QTHT-40	46,7	1.000	800
2	SO ₂	mg/Nm ³	QTHT-40	<3,4	500	350
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QTHT-40	14,4	850	680
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	10,9	200	140

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

$$\text{Giá trị } C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại quy chuẩn
- Cmax là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải, $K_p = 1$ ($P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$)
- Kv là hệ số vùng, khu vực; $K_v = 0,7$ đối với các thông số bụi tổng, SO₂; $K_v = 0,8$ đối với các thông số NO_x và CO.

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

**THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC**

Nguyễn Thị Vân Anh

**TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Lê Bảo Quân



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**
ThS. Nguyễn Thị Hạnh

1. Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu (như trên)

2. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm KTMT&ATHC

Số: 3547/2024/PKQ(24/K2781/KT5)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH ToTo Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Vị trí quan trắc	KT5	Hệ thống đập bụi FI2
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 12 tháng 7 năm 2024	
Người lấy mẫu	Nguyễn Minh Quang, Lã Thế Giới, Nguyễn Thế Dương	
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nắng. Nhiệt độ TB 34°C	
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả		
				KT5	C	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	11,4	200	140

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

$$\text{Giá trị } C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại quy chuẩn
- Cmax là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải, Kp=1 (P≤20.000 m³/h)
- Kv là hệ số vùng, khu vực; Kv=0,7 đối với các thông số bụi tổng.

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC

Nguyễn Thị Vân Anh

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Lê Bảo Quân



Th.S. Nguyễn Thị Hạnh

1. Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu (như trên)

2. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm KTMT&ATHC

Số: 3548/2024/PKQ(24/K2782/KT6)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH ToTo Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Vị trí quan trắc	KT6	Khí thải ống khói của lò V2- Đầu lò
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 12 tháng 7 năm 2024	
Người lấy mẫu	Nguyễn Minh Quang, Lã Thế Giới, Nguyễn Thế Dương	
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nắng. Nhiệt độ TB 34°C	
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT	
					KT6	C
1	CO	mg/Nm ³	QTHT-40	<20	1.000	800
2	SO ₂	mg/Nm ³	QTHT-40	<3,4	500	350
3	NOx (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QTHT-40	22,6	850	680
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	7,2	200	140

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

$$\text{Giá trị } C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại quy chuẩn
- Cmax là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải, Kp=1 (P≤20.000 m³/h)
- Kv là hệ số vùng, khu vực; Kv=0,7 đối với các thông số bụi tổng, SO₂; Kv=0,8 đối với các thông số NOx và CO.

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC

Nguyễn Thị Vân Anh

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Lê Bảo Quân

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Nguyễn Thị Hạnh

1. Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu (như trên)

2. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm KTMT&ATHC

Số: 3549/2024/PKQ (24/K2783/KT7)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH ToTo Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Vị trí quan trắc	KT7	Khí thải ống khói của lò V2- Giữa lò
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 12 tháng 7 năm 2024	
Người lấy mẫu	Nguyễn Minh Quang, Lã Thế Giới, Nguyễn Thế Dương	
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nắng. Nhiệt độ TB 34°C	
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT	
					KT7	C
1	CO	mg/Nm ³	QTHT-40	30,0	1.000	720
2	SO ₂	mg/Nm ³	QTHT-40	<3,4	500	315
3	NOx (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QTHT-40	20,7	850	612
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	7,5	200	126

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

$$\text{Giá trị } C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại quy chuẩn
- Cmax là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải, Kp=0,9 (20.000 < P ≤ 100.000 m³/h)
- Kv là hệ số vùng, khu vực; Kv=0,7 đối với các thông số bụi tổng, SO₂; Kv=0,8 đối với các thông số NOx và CO.

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC

Nguyễn Thị Vân Anh

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Lê Bảo Quân

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Nguyễn Thị Hằng

1. Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu (như trên)

2. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm KTMT&ATHC

Số: 3550/2024/PKQ(24/K2784/KT8)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH ToTo Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Vị trí quan trắc	KT8	Hệ thống đập bụi Molding
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 12 tháng 7 năm 2024	
Người lấy mẫu	Nguyễn Minh Quang, Lã Thế Giới, Nguyễn Thế Dương	
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nắng. Nhiệt độ TB 34°C	
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả		
				KT8	C	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	10,8	200	140

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

$$\text{Giá trị } C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại quy chuẩn
- Cmax là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải, $K_p=1$ ($P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$)
- Kv là hệ số vùng, khu vực; $K_v=0,7$ đối với các thông số bụi tổng.

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC

Nguyễn Thị Vân Anh

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Lê Bảo Quân

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Nguyễn Thị Hằng

Số: 3684/2024/PKQ(24/K2898/KT3)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH ToTo Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội.

Vị trí quan trắc	KT3	Khí thải ống khói của lò SK3
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 25 tháng 7 năm 2024	
Người lấy mẫu	Nguyễn Công Minh, Nguyễn Năng Thanh, Đinh Quang Minh	
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời không mưa. Nhiệt độ TB: 28°C	
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương, Lê Ngọc Ánh	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT	
					KT3	C
1	CO	mg/Nm ³	QTHT-40	<20	1.000	720
2	SO ₂	mg/Nm ³	QTHT-40	<3,4	500	315
3	NOx (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QTHT-40	<5,0	850	612
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	4,3	200	126

Ghi chú:

QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

$$\text{Giá trị } C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại quy chuẩn
- Cmax là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải, Kp=0,9 (20.000 < P ≤ 100.000 m³/h)
- Kv là hệ số vùng, khu vực; Kv=0,7 đối với các thông số bụi tổng, SO₂; Kv=0,8 đối với các thông số NOx và CO.

THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC

Nguyễn Thị Vân Anh

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Lê Bảo Quân

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Th.S. Nguyễn Thị Hạnh

1. Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu (như trên)

2. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm KTMT&ATHC